

KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH LỚP 12 THPT

Năm học 2015 - 2016

HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: NGŨ VĂN

(gồm 03 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		PHẦN ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích: biểu cảm	0,25
	2	Đoạn thơ thể hiện tình cảm yêu mến tha thiết, thái độ trân trọng thành kính đối với vẻ đẹp, sự giàu có và ý nghĩa thiêng liêng của tiếng Việt.	0,25
	3	Tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong 2 câu thơ: vẻ đẹp, sự gắn bó máu thịt của tiếng Việt đối với số phận mỗi cá nhân cũng như cả dân tộc Việt.	0,5
	4	Bảo đảm dung lượng (5 – 7 câu), thể hiện rõ ràng nhận xét, suy nghĩ của bản thân về những xúc cảm sâu sắc, chân thành mà nhà thơ đã bộc lộ trong đoạn trích.	0,5
	5	Văn bản viết theo phong cách ngôn ngữ chính luận	0,25
	6	Các cụm từ “ <i>kẻ sát nhân thâm lặng</i> ”, “ <i>ma trận thực phẩm đang giăng như mạng nhện</i> ” được sử dụng có tác dụng thể hiện thái độ phê phán, tính chất thuyết phục mạnh mẽ của phong cách ngôn ngữ chính luận.	0,5
	7	Tác giả bài viết đã chỉ ra những mối nguy hại của thực phẩm bẩn: + 10, 20 năm sau tỷ lệ mắc ung thư và tâm thần của người Việt sẽ còn cao hơn rất nhiều; + Nỗ lực để nâng cao chất lượng sống, cải tạo môi trường không đạt kết quả.	0,25
8	Khi viết “ <i>thực phẩm bẩn tràn lan như hiện nay như là cái u ác tính cho cả dân tộc, nếu không cắt bỏ sẽ di căn thành ung thư, hãy hành động ngay hôm nay đừng để đến lúc vô phương cứu chữa.</i> ”, tác giả muốn kêu gọi tất cả mọi người hãy hành động khẩn cấp để chống lại mối nguy hại khủng khiếp của thực phẩm bẩn tràn lan hiện nay,	0,5	
II	1	PHẦN LÀM VĂN	7,0
		Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: <i>công nghệ thông tin giúp gắn kết những con người cách xa nhau hàng ngàn cây số nhưng cũng khiến cho những người thân thiết đang sống bên nhau trở</i>	3,0

	<i>nên xa cách.</i>	
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận, có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Thế giới công nghệ - những mặt tích cực và tiêu cực của nó.	0,25
	c. Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm, vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng, rút ra bài học nhận thức và hành động - Giải thích : + Thế giới công nghệ: thế giới hiện đại với những thành tựu to lớn trong lĩnh vực khoa học công nghệ, nhất là thông tin. + Ý nghĩa của cả câu : . - Trình bày suy nghĩ : + Nhận thức về những thành tựu mà thế giới công nghệ đem đến cho con người: sự bùng nổ thông tin, khoảng cách địa lý không còn là ngăn trở con người gắn kết với nhau. Từ đó, có thái độ đúng trước những cơ hội mà con người có được trong thế giới công nghệ: tích cực nắm bắt thông tin khoa học, kỹ thuật, kinh tế, quân sự..., chủ động hội nhập, phát triển. + Nhận thức về mặt trái của những sản phẩm công nghệ đối với con người: thói quen sống ảo, rời xa những giá trị và nếp sống truyền thống, thái độ thờ ơ, thậm chí vô cảm với những người xung quanh. Từ đó, ý thức được sự cần thiết của những quan tâm, chia sẻ với mọi người. - Liên hệ, mở rộng : + Cách thức khai thác, sử dụng các sản phẩm công nghệ có thể làm cho nó trở nên hữu ích nhưng cũng có thể khiến con người lệ thuộc vào nó, đánh mất những năng lực cảm xúc – năng lực thể hiện sự sống có ý nghĩa của con người. + Rút ra bài học cho bản thân : biết sử dụng những thành tựu của công nghệ để nâng cao đời sống của bản thân.	0,25
	d. Sáng tạo Sử dụng ngôn ngữ theo cách thức riêng của bản thân để bàn luận và thể hiện suy nghĩ sâu sắc mới mẻ về vấn đề mà đề yêu cầu.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
2	Chứng minh ý tưởng của nhà văn Kim Lân khi viết “Vợ nhặt” : “ <i>những người đói dù như thế nào đi nữa vẫn luôn luôn khao khát cuộc sống tốt hơn, vẫn tin tưởng một cách mơ hồ vào cuộc sống tương lai</i> ”.	4,0
	a. Đảm bảo được cấu trúc bài nghị luận : có đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết luận minh ý tưởng của nhà văn Kim Lân. Phần mở bài biết dẫn dắt hợp lí, nêu được vấn đề; phần thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau và cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần kết	0,5

	bà khái quát được vấn đề và thể hiện được ấn tượng, cảm xúc sâu đậm của cá nhân.	
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận : khát vọng hạnh phúc và niềm tin vào cuộc sống của những người nghèo trong nạn đói năm 1945.	0,5
	c. Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm, vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng, rút ra nhận xét về sáng tạo của tác giả trong tác phẩm. - Giới thiệu khái quát về tác giả Kim Lân, tác phẩm “Vợ nhặt” và vai trò của nhân vật Tràng trong thể hiện dự định sáng tác của tác giả. - Nhân vật Tràng: + Cảnh ngộ éo le của Tràng : trong nạn đói năm đang lan tràn khắp các làng quê, với ngoại hình thô kệch, gia cảnh neo người, là dân ngụ cư nghèo, làm nghề đẩy xe bò thuê, hạnh phúc gia đình càng trở nên xa với Tràng. + Nghĩa cử cứu giúp người đói tự nhiên, không hề tính toán của người có bản chất hiền lành, chất phác, thuần hậu đã tạo nên cuộc gặp gỡ giữa hai người nghèo. Từ câu hò tưởng vu vơ, hào phóng mua dầu thấp, đến việc thừa chuyện với mẹ, niềm vui khó tả buổi sáng ngày hôm sau... tất cả cho thấy mong ước về hạnh phúc vốn vẫn ấp ủ trong lòng, khi duyên phận đến, Tràng sẵn sàng đón lấy. + Nghĩa cử cứu giúp người đói tự nhiên, không hề tính toán của người có bản chất hiền lành, chất phác, thuần hậu đã tạo nên cuộc gặp gỡ giữa hai người nghèo. Từ câu hò tưởng vu vơ, hào phóng mua dầu thấp, đến việc thừa chuyện với mẹ, niềm vui khó tả buổi sáng ngày hôm sau... tất cả cho thấy mong ước về hạnh phúc vốn vẫn ấp ủ trong lòng, khi duyên phận đến, Tràng sẵn sàng đón lấy. + Không chỉ đồng cảm với mong ước của người dân nghèo, nhà văn Kim Lân còn cho thấy trong cái đói quay đói quắt, Tràng vẫn không nguôi hướng về cuộc sống tốt đẹp hơn. Chính điều này làm cho người đàn bà từng phiêu dạt nhiều nơi tìm thấy ở Tràng chỗ dựa cho cuộc đời mình. - Nhận xét về : + Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật Tràng của nhà văn Kim Lân. + Thể hiện niềm tin, mơ ước của người dân nghèo khổ, “Vợ nhặt” có giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc.	0,5 0,5 0,5 0,5
	d. Sáng tạo Sử dụng ngôn ngữ theo cách thức riêng của bản thân để bàn luận và thể hiện suy nghĩ sâu sắc mới mẻ về vấn đề mà đề yêu cầu.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
	Dựa vào các mức điểm nêu trên, cán bộ chấm thi cho các mức điểm còn lại, lẻ đến 0,25; ĐIỂM TOÀN BÀI THI: I + II = 10,00 điểm Chú ý: không làm tròn số.	

-----Hết-----